



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ **International Auditing Company Limited**

CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ - CAO SU NGHỆ AN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023



Thành viên hãng AGN International
Kiểm toán | Thuế | Tư vấn

A member firm of AGN International
Audit | Tax | Advisory

CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ - CAO SU NGHỆ AN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

Tháng 03 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	10 - 23

30/08/2017
C
NH
ỘT
ÁP
N
HAI

30/08/2017
C
NH
ỘT
ÁP
N
HAI

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Cà phê - Cao su Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") đề trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Thành viên

Ông Võ Quang Tuấn	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 20/09/2023
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phụ trách Hội đồng thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/10/2023
Ông Lê Xuân Bình	Thành viên	

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Quang Tuấn	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 20/09/2023
Ông Hoàng Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	

Người lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty

Người lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Hoàng Thanh Tùng - Phụ trách Hội đồng thành viên.

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Trong việc lập các Báo cáo tài chính tổng hợp này, Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

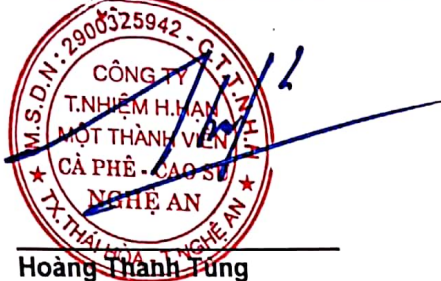
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc,

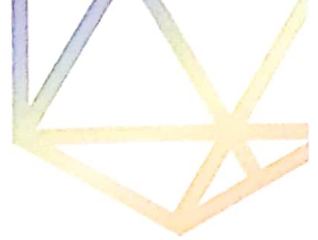


Hoàng Thanh Tùng

Phụ trách Hội đồng thành viên

Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2024

14
H
H
C
1
3-0
Y TI
QU
HÀ
C
H



Số: 031801/2024/BCKT-ICPATC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Cà phê - Cao su Nghệ An

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty TNHH MTV Cà phê - Cao su Nghệ An (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 18 tháng 03 năm 2024, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc

Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, hàng tồn kho, công trình xây dựng cơ bản dở dang của Công ty tại thời điểm 31/12/2023 do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày này. Thủ tục kiểm toán thay thế do chúng tôi thực hiện cũng chưa đảm bảo thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng (nếu có) của chúng đến các khoản mục có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã thực hiện đối chiếu số dư công nợ, tuy nhiên, một số khoản công nợ phải thu khác, trả trước cho người bán, phải trả khác và cho vay chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ. Với những tài liệu hiện có tại Công ty chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để thu thập được đầy đủ các bằng chứng thích hợp làm cơ sở đưa ra ý kiến về các khoản mục nêu trên cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ (tiếp theo)

Tại ngày 31/12/2023, Công ty đánh giá công nợ cho vay, phải thu khác của Công ty khó có thể thu hồi được với giá trị lần lượt là 1.476.640.081 đồng, 2.521.816.202 đồng đã tồn đọng lâu ngày. Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản công nợ cho vay, phải thu khác nêu trên với giá trị dự phòng ước tính là 3.998.456.283 đồng. Nếu Công ty thực hiện trích lập đầy đủ dự phòng nợ phải thu khó đòi nêu trên vào chi phí thì khoản mục "Chi phí quản lý doanh nghiệp" tăng lên, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Công ty chưa thực hiện trích lập đầy đủ chi phí khấu hao tài sản cố định với giá trị ước tính là 1.649.225.695 đồng. Nếu Công ty thực hiện ghi nhận khoản chi phí khấu hao tài sản cố định nêu trên vào chi phí thì khoản mục "Giá vốn hàng bán" tăng lên, khoản mục "Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp" và khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" sẽ giảm đi với số tiền tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh V.3, V.11 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp trong đó mô tả tại ngày 31/12/2023, Dự án Nhà máy thu mua và chế biến cao su Nghệ An (nhà máy mới) tại xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An giá trị dở dang 6.565.515.447 đồng, số tiền Công ty dự tạm ứng cho các nhà thầu là 3.652.615.500 đồng đã dừng thi công, và Dự án trạm bơm Phú Tân, trạm bơm Đông Hiếu giá trị dở dang lần lượt là 749.051.949 đồng, số tiền Công ty dự tạm ứng cho các nhà thầu là 11.630.678.625 đồng đã dừng thi công và tồn đọng từ lâu. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh VII.1 trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp, trong đó mô tả sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ việc hủy bỏ kết quả đấu giá bán tài sản vườn cam gắn liền với đất tại xã Nghi Ân (thành phố Vinh) giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đường Lào và chăm sóc phục hồi sức khỏe. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

Vấn đề khác

Ngày 12/10/2023, Chủ tịch UBND tỉnh Nghệ An ra quyết định số 3283/QĐ-UBND giao cho ông Hoàng Thanh Tùng phụ trách Hội đồng thành viên để lãnh đạo, quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, do đó, người ký báo cáo tài chính này là ông Hoàng Thanh Tùng.

Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cà phê - Cao su Nghệ An cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính này đã phát hành tại ngày 14/03/2023 với ý kiến kiểm toán ngoại trừ.



Võ Hoàng Anh
Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 4351-2023-072-1

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Chi nhánh Thành Công
Nghệ An, Ngày 18 tháng 03 năm 2024

Trần Lương Tới
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 6379-2023-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		51.892.535.450	45.341.433.894
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	11.329.338.183	8.697.998.401
1. Tiền	111		11.329.338.183	8.697.998.401
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		39.908.224.422	35.679.142.887
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	39.600.001	39.600.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	15.408.294.125	15.458.327.125
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	1.476.640.081	1.372.173.108
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	23.256.398.067	19.081.750.506
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(272.707.852)	(272.707.852)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	104.312.255	216.523.583
1. Hàng tồn kho	141		104.312.255	216.523.583
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		550.660.590	747.769.023
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	508.833.528	705.941.961
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	41.827.062	41.827.062
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		11.752.511.716	11.641.282.426
I. Tài sản cố định	220		3.658.762.539	4.043.833.249
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	3.658.762.539	4.043.833.249
- Nguyên giá	222		23.064.221.574	23.064.221.574
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.405.459.035)	(19.020.388.325)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
- Nguyên giá	228		53.125.000	53.125.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(53.125.000)	(53.125.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.093.749.177	7.597.449.177
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	8.093.749.177	7.597.449.177
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		63.645.047.166	56.982.716.320

M.S.D.N. 2
K.T.

VT
ÔN
AT
CH
HÀ
/H

Đơn vị: VND

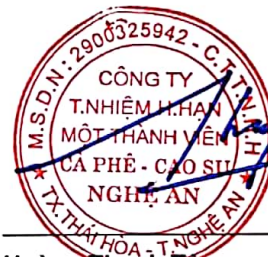
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		34.807.757.506	26.516.786.457
I. Nợ ngắn hạn	310		25.540.835.714	17.342.525.098
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	744.479.455	235.865.455
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	110.030.000	110.030.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	16.252.091.961	9.661.824.184
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	6.590.108.537	5.328.607.103
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	1.844.125.761	2.006.198.356
II. Nợ dài hạn	330		9.266.921.792	9.174.261.359
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	9.266.921.792	9.174.261.359
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19	28.837.289.660	30.465.929.863
I. Vốn chủ sở hữu	410		28.337.641.660	30.465.929.863
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		16.984.762.570	16.984.762.570
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.314.559.615	3.314.559.615
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.220.719.332)	(2.092.431.129)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(2.092.431.129)	(2.117.587.222)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(2.128.288.203)	25.156.093
4. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		12.259.038.807	12.259.038.807
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.18	499.648.000	-
1. Nguồn kinh phí	431		499.648.000	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		63.645.047.166	56.982.716.320



Nguyễn Thị Hoài Thanh
Người lập biểu

Phạm Thị Thanh

Phạm Thị Thanh
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Tùng
Phụ trách Hội đồng thành viên
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	39.980.636.151	44.097.129.593
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		39.980.636.151	44.097.129.593
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	29.443.152.181	34.064.388.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		10.537.483.970	10.032.740.695
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	696.229.471	893.713.435
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.710.729.081	1.358.958.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.464.270.346	1.358.958.480
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	189.171.458	376.339.935
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.068.242.552	10.481.655.816
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.734.429.650)	(1.290.500.101)
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.560.006.128	10.676.296.635
12. Chi phí khác	32	VI.8	6.953.864.681	9.360.640.441
13. Lợi nhuận khác	40		606.141.447	1.315.656.194
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.128.288.203)	25.156.093
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(2.128.288.203)	25.156.093

Nguyễn Thị Hoài Thanh
Người lập biểu

Phạm Thị Thanh
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Tùng
Phụ trách Hội đồng thành viên
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(2.128.288.203)	25.156.093
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	385.070.710	362.614.446
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	246.458.735	(172.737.517)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(696.229.471)	(720.975.918)
- Chi phí lãi vay	06	1.464.270.346	1.358.958.480
- Các khoản điều chỉnh khác	07	499.648.000	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(229.069.883)	853.015.584
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(4.124.568.984)	(3.795.229.115)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	112.211.328	(65.424.635)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	6.813.010.880	10.594.392.123
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	197.108.433	(227.842.773)
- Tiền lãi vay đã trả	14	(202.768.912)	(393.508.499)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(300.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.565.922.862	6.665.402.685
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(496.300.000)	(4.743.593.166)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	591.762.498	720.975.918
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	95.462.498	(4.022.617.248)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(30.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(30.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.631.385.360	2.642.785.437
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	8.697.998.401	6.055.182.803
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(45.578)	30.161
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	11.329.338.183	8.697.998.401



Nguyễn Thị Hoài Thanh
Người lập biểu



Phạm Thị Thanh
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Tùng
Phụ trách Hội đồng thành viên
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1. Hình thức vốn sở hữu**

Công ty TNHH MTV Cà phê - Cao su Nghệ An (gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH MTV do Nhà nước làm chủ sở hữu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty TNHH MTV số 2900325942 ngày 14/11/1992, đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 vào ngày 15/06/2016 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Nghệ An cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là 14.000.000.000 đồng. Vốn thực góp tại ngày 31/12/2023 là 16.984.762.570 đồng.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là quản lý, khai thác nông nghiệp.

3. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động kinh doanh chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Trồng cây cao su. Chi tiết: trồng, khai thác, chế biến, mua bán cao su;
- Trồng cây cà phê. Chi tiết: trồng, khai thác, chế biến, mua bán cà phê;
- Trồng cây ăn quả;
- Chăn nuôi trâu, bò. Chi tiết: chăn nuôi, mua bán trâu bò;
- Chăn nuôi gia cầm;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: sản xuất, mua bán phân bón;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: quản lý, sửa chữa và mua bán phục vụ sinh hoạt và sản xuất công nghiệp (thuộc địa bàn Công ty quản lý);
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: mua bán, đại lý máy móc thiết bị phục vụ nông nghiệp, ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: mua bán, đại lý xăng dầu;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: khách sạn, nhà hàng.

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.739 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.830 người).

6. Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có trụ sở chính và các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị	Địa chỉ
1	Văn phòng công ty	Số 25, đường 48, phường Hòa Hiếu, thị xã Thái Hòa, Nghệ An
2	Nông trường Tây Hiếu 1	Xã Tây Hiếu - Thị xã Thái Hòa - Nghệ An
3	Nông trường Tây Hiếu 2	Xã Nghĩa Hiếu - Huyện Nghĩa Đàn - Nghệ An
4	Nông trường Tây Hiếu 3	Xã Nghĩa Thành - Huyện Nghĩa Đàn - Nghệ An
5	Nông trường Đông Hiếu	Xóm Xuân Hải - Xã Đông Hiếu - Thị xã Thái Hòa - Nghệ An
6	Nông trường Cờ Đỏ	Xã Nghĩa Hồng - Huyện Nghĩa Đàn - Nghệ An
7	Xí nghiệp thu mua chế biến cà phê cao su	Xóm Hưng Bắc - Xã Tây Hiếu - Thị xã Thái Hòa - Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực Kế toán, chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Các Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	03 - 10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm Công cụ dụng cụ chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành

Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.877.247.987	2.243.049.078
Tiền gửi ngân hàng	7.452.090.196	6.454.949.323
Cộng	11.329.338.183	8.697.998.401

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**2. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Cổ phần sữa TH	39.600.001	39.600.000
Cộng	39.600.001	39.600.000

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Xây dựng dịch vụ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Nghệ An (i)	5.034.071.000	5.034.071.000
Công ty TNHH Thủy lợi 1 Nghệ An (i)	4.088.993.000	4.088.993.000
Công ty Ebarra Việt Nam (i)	1.100.000.000	1.100.000.000
Xí Nghiệp Xây lắp 108 Công ty Xây dựng số 1 (i)	502.818.000	502.818.000
Công ty CP Xây dựng Thủy lợi 2 Nghệ An (i)	404.240.000	404.240.000
Đoàn Quy Hoạch Nông nghiệp và Thủy lợi Nghệ An (i)	362.429.625	362.429.625
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Thủy lợi Nghệ An (i)	138.127.000	138.127.000
Công ty CP Xây dựng Nam Trường Thành (ii)	1.678.655.000	1.678.655.000
Công ty CP Xây dựng Thanh An (ii)	1.678.655.000	1.678.655.000
Công ty CP Tư vấn và Xây dựng An Nam (ii)	133.000.000	133.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng Hạnh Nguyên (ii)	162.305.500	162.305.500
Các đối tượng khác	125.000.000	175.033.000
Cộng	15.408.294.125	15.458.327.125

(i) Tại ngày 31/12/2023, khoản trả trước cho người bán liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng 2 trạm bơm Phú Tân và Đồng Hiếu tổng giá trị 11.630.678.625 đồng phát sinh từ các năm trước. Chi tiết được thuyết minh tại mục V.11.

(ii) Tại ngày 31/12/2023, khoản trả trước cho người bán tổng giá trị 3.652.615.500 đồng liên quan đến Công trình xây dựng Nhà máy thu mua và chế biến cao su Nghệ An (nhà máy mới) tại xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An. Chi tiết được thuyết minh tại mục V.11.

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH MTV 1/5 Nghệ An (i)	247.002.587	241.428.887
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn CN Tây Nghệ An (ii)	382.980.279	358.274.939
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn PGD Nghĩa Đàn (ii)	846.657.215	772.469.282
Cộng	1.476.640.081	1.372.173.108

(i) Phản ánh khoản vốn cho vay đầu tư trồng mới cà phê và vốn cho vay cao su 327.

(ii) Phản ánh khoản tiền Công ty ủy thác cho các ngân hàng cho dân vay vốn để đầu tư trồng mới cà phê.

Phản biến động tăng đầu năm và cuối năm của (i) và (ii) là phần tiền lãi được tính cộng dồn hàng năm.

CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ - CAO SU NGHỆ AN

Số 25, đường 48, phường Hòa Hiếu

Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**5. PHẢI THU NGÂN HẠN KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu người lao động tiền Bảo hiểm xã hội	104.614.330	70.438.733
Phải thu khoán	6.088.565.154	5.257.567.408
Phải thu các khoản đầu tư	1.664.431.271	1.747.648.973
Phải thu vốn các dự án AFD, Cao su 327, rừng 327	1.690.447.890	1.656.043.870
Ký quỹ, ký cược	352.125.000	352.125.000
Tạm ứng	291.475.002	276.235.202
Phải thu các hộ dân tiền thuê đất và các khoản khác	12.856.691.771	9.721.691.320
Các đối tượng khác	208.047.649	-
Cộng	23.256.398.067	19.081.750.506

6. NỢ XẤU

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Cà phê chè kinh doanh 1995	130.431.873	-	130.431.873	130.431.873	-	130.431.873
Nhà nghỉ 17	97.275.979	-	97.275.979	97.275.979	-	97.275.979
Quang Trung	45.000.000	-	45.000.000	45.000.000	-	45.000.000
Đậu Văn Thông	45.000.000	-	45.000.000	45.000.000	-	45.000.000
Cộng	272.707.852	-	272.707.852	272.707.852	-	272.707.852

7. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	104.312.255	216.523.583
Cộng	104.312.255	216.523.583

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGÂN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng và các chi phí khác	508.833.528	705.941.961
Cộng	508.833.528	705.941.961

CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ - CAO SU NGHỆ AN

Số 25, đường 48, phường Hòa Hiếu

Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

Mẫu số B 09 - DN

Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	TSCĐ		Cộng
					hữu hình	khác	
NGUYÊN GIÁ							
Số dư đầu năm	8.539.068.315	10.046.139.989	4.265.652.898	91.459.500	121.900.872	23.064.221.574	
Số dư cuối năm	8.539.068.315	10.046.139.989	4.265.652.898	91.459.500	121.900.872	23.064.221.574	
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ							
Số dư đầu năm	6.374.041.614	9.097.708.541	3.336.851.112	89.886.186	121.900.872	19.020.388.325	
Khấu hao trong năm	215.994.864	45.873.660	121.628.872	1.573.314	-	385.070.710	
Số dư cuối năm	6.590.036.478	9.143.582.201	3.458.479.984	91.459.500	121.900.872	19.405.459.035	
GIÁ TRỊ CÒN LẠI							
Số dư đầu năm	2.165.026.701	948.431.448	928.801.786	1.573.314	-	4.043.833.249	
Số dư cuối năm	1.949.031.837	902.557.788	807.172.914	-	-	3.658.762.539	

10. TÀI SẢN VÔ HÌNH

	Phần mềm kế toán VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu năm	53.125.000	53.125.000
Số cuối năm	53.125.000	53.125.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Số đầu năm	53.125.000	53.125.000
Số cuối năm	53.125.000	53.125.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số đầu năm	-	-
Số cuối năm	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tu sửa, gia cố kè chắn đê và hệ thống cống tại hồ thủy lợi ông Sáng	496.300.000	-
Dự án Nhà máy thu mua và chế biến cao su Nghệ An (nhà máy mới) tại xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An (i)	6.565.515.447	6.565.515.447
Trạm bơm Phú Tân (ii)	715.411.949	715.411.949
Trạm bơm Đông Hiếu (ii)	33.640.000	33.640.000
Trạm bơm Hiếu Thành	231.730.000	231.730.000
Hồ đập	51.151.781	51.151.781
Cộng	8.093.749.177	7.597.449.177

(i) Dự án Nhà máy thu mua và chế biến cao su Nghệ An (nhà máy mới) tại xã Tây Hiếu, thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An với tổng mức đầu 20.300.000.000 đồng, theo kế hoạch xây dựng dự án ban đầu, nhà máy được đầu tư hoàn thành việc xây dựng đến ngày 17/7/2019 và được gia hạn đến ngày 31/12/2023 sẽ đưa vào sử dụng. Tuy nhiên, cho đến nay, công trình trên vẫn chưa hoàn thành và tạm dừng thi công vì Công ty đang thiếu vốn đầu tư để tiếp tục thực hiện dự án. Giá trị công ty ghi nhận các hạng mục đã nghiệm thu và tạm ứng cho nhà thầu đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.218.130.947 đồng.

(ii) Dự án trạm bơm Phú Tân, trạm bơm Đông Hiếu đã thi công từ năm 2002. Công trình cho đến nay chưa được quyết toán và đưa vào sử dụng, giá trị công ty ghi nhận các hạng mục và tạm ứng cho nhà thầu thi công đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 4.401.667.449 đồng. Các hệ thống trạm bơm này đã lâu không được sử dụng và duy tu, bảo dưỡng, tài sản đã xuống cấp và hư hỏng nghiêm trọng.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hùng Quân Group	416.543.000	-
Đoàn Quy Hoạch Nông nghiệp và Thủy lợi Nghệ An	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Đầu tư xây dựng và Phát triển Nông thôn	113.867.268	113.867.268
Các đối tượng khác	114.069.187	21.998.187
Cộng	744.479.455	235.865.455

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Cường An	50.030.000	50.030.000
Công ty TNHH Sản xuất chế biến và Thương mại Thắng Lợi	60.000.000	60.000.000
Cộng	110.030.000	110.030.000

CÔNG TY TNHH MTV CÀ PHÊ - CAO SU NGHỆ AN
Số 25, đường 48, phường Hòa Hiếu
Thị xã Thái Hòa, tỉnh Nghệ An

Mẫu số B 09 - DN
Ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

14. VAY DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Cà phê Việt Nam - Công ty TNHH MTV (i)	8.397.427.166	8.397.427.166	122.660.433	-	8.520.087.599	8.520.087.599
Kho bạc Huyện Nghĩa Đàn (ii)	776.834.193	776.834.193	-	30.000.000	746.834.193	746.834.193
Cộng	9.174.261.359	9.174.261.359	122.660.433	30.000.000	9.266.921.792	9.266.921.792

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay như sau:

(i) Vay Tổng Công ty Cà phê Việt Nam theo hợp đồng vay vốn số 13-DA/HĐ ngày 30/10/1999 theo dự án phát triển cây cà phê chè do AFD tài trợ để Công ty cho hộ dân vay lại vốn để đầu tư cà phê, thời hạn cho vay 10 năm, trong đó có 03 năm ân hạn. Số dư nợ gốc phải trả tại ngày 31/12/2023 được quy đổi ra VND là 8.520.087.599 VND. Trong đó gốc vay thuộc hợp phần nông nghiệp là 5.869.597.363 VND, gốc vay thuộc hợp phần công nghiệp là 100.460,64 EURO tương đương 2.650.490.236 VND. Lãi vay được theo dõi trên khoản mục Chi phí phải trả với số tiền 6.590.108.537 VND (chi tiết thuyết minh V.16).

(ii) Vay Kho Bạc Nhà nước huyện Nghĩa Đàn theo chương trình Dự án 327. Số dư nợ vay tại ngày 31/12/2023 là 746.834.193 VND, khoản vay này Công ty không đưa vào diện tính lãi vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
a. Các khoản phải thu				
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	41.827.062	-	-	41.827.062
Cộng	41.827.062	-	-	41.827.062
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	514.926.917	1.342.573.325	1.507.520.548	349.979.694
Thuế thu nhập cá nhân	3.184.107	-	-	3.184.107
Thuế tài nguyên	136.749.160	6.735.120	6.735.120	136.749.160
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	9.006.964.000	7.002.150.000	246.935.000	15.762.179.000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.298.916	17.298.916	-
Cộng	9.661.824.184	8.368.757.361	1.778.489.584	16.252.091.961

16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Chi phí lãi vay	6.590.108.537	5.328.607.103
Cộng	6.590.108.537	5.328.607.103

17. PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải trả BHXH (các hộ dân chuyển trước)	55.960.752	83.965.068
Phải trả các loại khoản (các hộ dân chuyển trước)	102.694.000	100.000.000
Phải trả vốn cà phê AFD, Cao su 327, rừng 327 (các hộ dân chuyển trước)	120.455.725	120.458.625
Phải trả tiền mủ cao su và phải trả khác	1.565.015.284	1.701.774.663
Cộng	1.844.125.761	2.006.198.356

18. NGUỒN KINH PHÍ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nguồn kinh phí đầu năm	-	513.400.800
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	1.486.558.000	1.670.000.000
Chi sự nghiệp	986.910.000	2.183.400.800
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	499.648.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**19. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a. Bảng biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Nguồn vốn đầu tư XDCB	LNST chưa phân phối và các quỹ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2022	16.984.762.570	3.314.559.615	1.466.532.807	(2.117.587.222)	19.648.267.770
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	25.156.093	25.156.093
Tăng trong năm	-	-	10.792.506.000	-	10.792.506.000
Tại ngày 01/01/2023	16.984.762.570	3.314.559.615	12.259.038.807	(2.092.431.129)	30.465.929.863
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	(2.128.288.203)	(2.128.288.203)
Tại ngày 31/12/2023	16.984.762.570	3.314.559.615	12.259.038.807	(4.220.719.332)	28.337.641.660

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ %	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Vốn góp nhà nước	100	16.984.762.570	16.984.762.570

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán cao su SVR, thu khoán và doanh thu khác	39.980.636.151	44.097.129.593
Cộng	39.980.636.151	44.097.129.593

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán cao su SVR và doanh thu khác	29.443.152.181	34.064.388.898
Cộng	29.443.152.181	34.064.388.898

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	696.229.471	720.975.918
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	172.737.517
Cộng	696.229.471	893.713.435

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	1.464.270.346	1.358.958.480
Lỗ chênh lệch tỷ giá	246.458.735	-
Cộng	1.710.729.081	1.358.958.480

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí bằng tiền khác	189.171.458	376.339.935
Cộng	189.171.458	376.339.935

6. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	7.959.813.198	7.224.614.992
Chi phí vật liệu quản lý	813.631.997	574.189.313
Chi phí khấu hao TSCĐ	414.950.716	342.406.384
Thuế, phí, lệ phí	391.737.548	393.667.135
Chi phí dịch vụ mua ngoài	649.562.351	544.589.560
Chi phí bằng tiền khác	1.838.546.742	1.402.188.432
Cộng	12.068.242.552	10.481.655.816

7. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập tiền đất thuê nông nghiệp	7.011.377.400	9.152.886.400
Thu khác	512.222.228	1.523.410.235
Tiền phạt thu được	36.406.500	-
Cộng	7.560.006.128	10.676.296.635

8. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuê đất nông nghiệp	6.876.361.000	9.135.788.000
Các khoản bị phạt	-	162.208.982
Chi phí khác	77.503.681	62.643.459
Cộng	6.953.864.681	9.360.640.441

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC**1. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Vào ngày 11/04/2017, Công ty đã bán đấu giá thành công: Giá trị Vườn cam; các tài sản khác gắn liền với diện tích 91.354m² đất tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh, Nghệ An (gọi tắt là Vườn cam Nghi Ân) cho Công ty Cổ phần Dưỡng lão và chăm sóc phục hồi sức khỏe. Tuy nhiên, từ khi trúng đấu giá (năm 2016) đến nay, Công ty Cổ phần Dưỡng lão và chăm sóc phục hồi sức khỏe đã nộp hồ sơ thuê đất vào Sở Tài nguyên và Môi trường Nghệ An để thuê diện tích 91.354 m² đất tại xã Nghi Ân, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An nhưng vẫn chưa thuê đất được. Ngày 18/8/2020 UBND tỉnh Nghệ An có Kết luận thanh tra số 460/KL-UBND (Tại Mục 2 (Xử lý các tồn tại, khuyết điểm), IV (Biện pháp xử lý) của kết luận thanh tra), giao cho Công ty TNHH MTV cà phê - cao su Nghệ An: Làm việc với Công ty Cổ phần Dưỡng lão và chăm sóc phục hồi sức khỏe để hủy bỏ kết quả đấu giá; hợp đồng bán tài sản vườn cam gắn liền với đất tại xã Nghi Ân (thành phố Vinh). Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh, Công ty TNHH MTV cà phê - cao su Nghệ An đã nhiều lần làm việc với Công ty Cổ phần Dưỡng lão và chăm sóc phục hồi sức khỏe cùng các đơn vị liên quan để thống nhất việc hủy bỏ kết quả đấu giá bán tài sản vườn cam gắn liền với đất tại xã Nghi Ân (thành phố Vinh). Hiện tại, Công ty đang phối hợp với các đơn vị liên quan để tìm giải pháp tháo gỡ khó khăn và thực hiện kết luận của UBND tỉnh giao. Tuy nhiên cho đến nay, do vườn cam đã bàn giao trong thời gian dài, hiện trạng vườn cam và một số tài sản khác bị phá vỡ, hao hụt, giảm sút so với nguyên trạng ban đầu... dẫn đến giá trị tài sản vườn cam gắn liền với đất tại xã Nghi Ân đã có sự thay đổi so với thời điểm bàn giao. Vì vậy, các bên chưa đi đến thống nhất việc hủy bỏ kết quả đấu giá bán tài sản này (chủ yếu liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của các bên sau khi hủy kết quả đấu giá tài sản).

2. BÊN LIÊN QUAN

Trong năm Công ty đã có giao dịch với các bên liên quan như sau

Thu nhập của thành viên trong Ban lãnh đạo và Hội đồng thành viên

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập của thành viên trong Ban lãnh đạo và Hội đồng thành viên	549.711.600	636.761.460
	549.711.600	636.761.460

3. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

4. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty TNHH MTV Cà phê - Cao su Nghệ An đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế Unistars - Chi nhánh Miền Trung.



Nguyễn Thị Hoài Thanh
Người lập biểu



Phạm Thị Thanh
Kế toán trưởng



Hoàng Thanh Tùng
Phụ trách Hội đồng thành viên
Nghệ An, ngày 18 tháng 03 năm 2024

Mẫu số 01

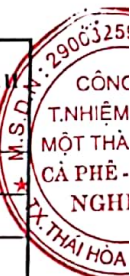
BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Mô hình Công ty độc lập, Công ty mẹ - Tập đoàn, Tổng công ty)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

D: Số dư của khoản mục, P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/Số cuối kỳ	Năm trước/Số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D (đồng)	3,998,456,283	4,102,520,865
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P (đồng)	104,466,973	45,837,952
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P (đồng)	208,531,555	-
2. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong nước		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		D (đồng)		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D (đồng)		
b) Dư nợ cuối kỳ các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn khác		D (đồng)		
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)	9,266,921,792	9,174,261,359
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D (đồng)		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D (đồng)		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D (đồng)	9,266,921,792	9,174,261,359
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn nước ngoài		D (đồng)		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D (đồng)		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D (đồng)		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D (đồng)		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D (đồng)		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D (đồng)		
6. Nợ phải trả quá hạn		D (đồng)		
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			9,619,997,122	700,980,014
8. Vốn điều lệ		D (đồng)	14,000,000,000	14,000,000,000
9. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN		D (đồng)	8,368,757,361	10,741,951,995
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P (đồng)	8,368,757,361	10,741,951,995



b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P (đồng)		
c) Cò tức, số lợi nhuận còn lại phát sinh phải nộp NSNN		P (đồng)		
10. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P (đồng)	1,778,489,584	1,822,934,887
- Lợi nhuận đã nộp NSNN		P (đồng)		
11. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển năm sau		D (đồng)	16,210,264,899	9,619,997,122
12. Tổng quỹ lương		P (đồng)	9,723,200,257	8,844,346,187
13. Số lao động bình quân (người)		P (đồng)	117	120
14. Tiền lương bình quân người/năm		P (đồng)	83,104,276	73,702,885

Thái Hòa, ngày 25 tháng 03 năm 2024

PHỤ TRÁCH HDTV

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Hoàng Thanh Tùng

